

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2021/DS-ST**
Ngày 28 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Bà Võ Duy Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Trong các ngày 25/8/2021 và 28/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thụ lý số 08/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021, các Thông báo dời thời gian mở phiên tòa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2021, Quyết định ngừng phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Ngọc H, sinh năm 1961; địa chỉ: XX, ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Lệ T; địa chỉ: YY, đường N, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1980; địa chỉ: X/Y, ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn T; địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 24/11/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Tô Ngọc H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà H là chủ hội tổ chức các dây hội có sự tham gia của bà Lê Thị Trúc L là hội viên, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 10/3/2018 âm lịch, có 22 phần, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt hội lần thứ mấy, được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 07 lần (từ lần thứ 16 đến lần thứ 22) số tiền là 7.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 7.000.000 đồng.**

Dây 2: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 10/3/2018 âm lịch, có 23 phần, bà L tham gia 05 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt hội lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 08 lần (từ lần thứ 16 đến lần thứ 23) số tiền là 20.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 20.000.000 đồng.**

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/6/2018 âm lịch, có 23 phần, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt hội lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 11 lần số tiền là 22.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 22.000.000 đồng.**

Dây 4: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/8/2018 âm lịch, có 24 phần, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết (ở lần khai thứ 3 và 9), hốt được bao nhiêu tiền bà H không nhớ, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 12 lần của 02 phần số tiền là 24.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 24.000.000 đồng.**

Dây 5: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/8/2018 âm lịch, có 25 phần, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 12 lần số tiền là 12.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 12.000.000 đồng.**

Dây 6: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/9/2018 âm lịch, có 27 phần, bà L tham gia 03 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng. Bà H đã đóng thay 12 lần số tiền là 18.000.000 đồng và **yêu cầu bà L trả 18.000.000 đồng.** Dây hội này còn 06 lần chưa đến ngày khai tại thời điểm bà H khởi kiện.

Dây 7: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/12/2018 âm lịch, có 24 phần, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà H không nhớ bà L hốt lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 13 lần số tiền là 13.000.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 13.000.000 đồng.**

Dây 8: Hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2019 âm lịch, có 29 phần, bà L tham gia 03 phần, đã hốt 02 phần, còn lại 01 phần. Đối với 02 phần bà L đã

hốt bà H không nhớ bà L hốt lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 13 lần số tiền là 13.000.000 đồng; đối với phần hội còn lại bà L đóng được 05 lần nhưng bà H không nhớ số tiền đóng vào là bao nhiêu, nhưng nếu tính theo lãi hội sẽ là 2.500.000 đồng. Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 10.500.000 đồng** sau khi đã khấu trừ với phần hội bà L chưa hốt (13.000.000đ – 2.500.000đ).

Dây 9: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/4/2019 âm lịch, có 26 phần, bà L tham gia 03 phần, đã hốt 01 phần, còn lại 02 phần. Đối với phần bà L đã hốt bà H cho biết bà L hốt ở lần khai thứ hai nhưng không nhớ hốt được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ bà L đóng hội chết đến tháng 5/2019 thì ngưng, bà H phải đóng thay 13 lần số tiền là 13.000.000 đồng; đối với 02 phần hội còn lại bà L đóng được 02 lần nhưng bà H không nhớ số tiền đóng vào là bao nhiêu, nhưng nếu tính theo lãi hội sẽ là 4.000.000 đồng (02 phần). Dây hội này **bà H yêu cầu bà L trả 9.000.000 đồng** sau khi đã khấu trừ với 02 phần hội bà L chưa hốt (13.000.000đ – 4.000.000đ).

Tổng cộng 09 dây hội, **bà H yêu cầu bà L trả số tiền 135.000.000 đồng.**

Bị đơn bà Lê Thị Trúc L và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày, theo lần lượt từng dây hội nguyên đơn đã trình bày, bị đơn có lời khai như sau:

Dây 1: Dây hội này mãn vào ngày 10/12/2019 âm lịch, bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết là đúng, nhưng sau khi hốt hội bà L đã đóng hội đầy đủ cho đến ngày mãn hội, đóng bằng tiền mặt cho bà H, tới ngày gom hội thì đóng chứ không có làm giấy tờ gì, nên **dây hội này bà L không còn nợ** bà H.

Dây 2: Bà L chỉ tham gia 02 phần và hốt hết 02 phần, chứ không phải 05 phần như bà H khởi kiện, sau khi hốt hội thì bà L đã đóng hội chết đến ngày mãn hội là ngày 10/01/2020 âm lịch, đóng bằng tiền mặt cho bà H đúng vào các ngày gom hội nhưng không có làm giấy tờ gì, giống như dây hội trên, **dây hội này bà L không còn nợ** bà H.

Dây 3: Bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà L hốt hội vào lần khai thứ 17 và 19, sau khi hốt hội đã đóng hội chết đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì bà H ngưng khai hội, còn 03 lần khai nữa mới tới ngày mãn, do bà H không khai hội nữa nên bà L không đóng hội. **Bà L thừa nhận dây hội này còn nợ bà H 6.000.000 đồng.**

Dây 4: Bà L chỉ có tham gia dây hội mở ngày 30/8/2017 âm lịch chứ không phải ngày 30/8/2018 âm lịch như bà H khởi kiện, dây hội này bà L tham gia 02 phần và đã hốt hết, bà L hốt hội vào lần khai thứ 21 và 23, sau khi hốt hội đóng hội chết đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ, **dây hội này bà L không còn nợ** bà H.

Dây 5: Bà L thừa nhận có tham gia 02 phần nhưng bà L chưa hốt hội phần nào, bà L đã đóng hội sống được 17 lần, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì bà H ngưng khai hội, số tiền vốn đóng vào được bao nhiêu bà L không nhớ nhưng nếu tính theo hội có lãi thì dây hội này **bà H còn nợ lại bà L 02 phần hội bằng số tiền 17.000.000 đồng.**

Dây 6: Bà L chỉ có tham gia dây hội mở ngày 30/8/2018 âm lịch chứ không phải ngày 30/9/2018 âm lịch như bà H khởi kiện, dây hội này bà L tham gia 03 phần và đã hót 02 phần, còn lại 01 phần (chứ không phải hót hết như bà H khởi kiện), sau khi hót hội đóng hội chết đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì bà H ngưng khai hội, sau đó hai bên có tính toán với nhau và thống nhất khấu trừ phần hội chết còn phải đóng với phần hội còn sống, thì **bà L còn nợ của bà H dây hội này là 8.500.000 đồng**. Việc tính toán không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau.

Dây 7: Bà L chỉ có tham gia dây hội mở ngày 15/12/2019 âm lịch chứ không phải ngày 15/12/2018 âm lịch như bà H khởi kiện, dây hội này bà L tham gia 02 phần và đã hót 01 phần, còn lại 01 phần (chứ không phải hót hết như bà H khởi kiện), sau khi hót hội đóng hội chết đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì bà H ngưng khai hội, sau đó hai bên có tính toán với nhau để khấu trừ phần hội chết còn phải đóng với phần hội còn sống và thống nhất dây hội này không ai thiếu ai. Việc tính toán không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau.

Dây 8: Dây hội này bà L tham gia 03 phần và đã hót 01 phần, còn lại 02 phần (chứ không phải hót 02 phần, còn lại 01 phần như bà H khởi kiện). Đối với phần hội đã hót, sau khi hót hội đóng hội chết đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì bà H ngưng khai hội, còn 17 lần khai nữa mới tới ngày mãn (số tiền phải đóng là 8.500.000 đồng); đối với 02 phần hội chưa hót bà L đã đóng vào được 12 lần, số tiền vốn đóng vào được bao nhiêu bà L không nhớ nhưng nếu tính theo hội có lãi sẽ bằng 12.000.000 đồng. Như vậy dây hội này sau khi khấu trừ phần hội chết còn phải đóng với 02 phần hội còn sống của bà L, thì **bà H còn nợ bà L 3.500.000 đồng** (12.000.000đ – 8.500.000đ).

Dây 9: Bà L thừa nhận có tham gia 03 phần nhưng bà L chưa hót hội phần nào, bà L đã đóng hội sống được 08 lần, số tiền vốn đóng vào được bao nhiêu bà L không nhớ nhưng nếu tính theo hội có lãi thì dây hội này **bà H còn nợ lại bà L 03 phần hội bằng số tiền 24.000.000 đồng**.

Tổng cộng 09 dây hội, bà L còn phải đóng hội chết cho bà H là 14.500.000 đồng và bà H còn nợ tiền hội sống của bà L là 44.500.000 đồng, sau khi khấu trừ thì **bà H còn nợ lại bà L 30.000.000 đồng** (44.500.000đ – 14.500.000đ).

Ngày 03/12/2020, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Trúc L với nội dung sau khi khấu trừ các khoản nợ của các dây hội, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết **buộc bà Tô Ngọc H trả số tiền 30.000.000 đồng**.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 80.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn

để buộc nguyên đơn trả số tiền 30.000.000 đồng; không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.500.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, bà Lê Thị Trúc L vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà H và bà L đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hui giữa bà H với bà L là hợp pháp.

[3] Sau khi đối chiếu lời khai đương sự, kết quả xác minh đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, nhận thấy phần trình bày về yêu cầu và chứng cứ giữa nguyên đơn, bị đơn đối với các dây hui còn có nhiều mâu thuẫn, các bên chưa xác định rõ và đầy đủ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố đã được đương sự chứng minh rõ ràng, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “nghĩa vụ chứng minh”; những yêu cầu mà đương sự không chứng minh được sẽ không được chấp nhận theo sự nhận định đối với từng dây hui dưới đây.

[4] Đối với dây hui thứ nhất (Dây 1), bà H khởi kiện cho rằng có đóng hui chết thay cho bà L 02 phần hui trong 07 lần bằng số tiền 7.000.000 đồng, bà L thì cho biết có tham gia và hót hui 02 phần, sau khi hót hui bà đã đóng hui đầy đủ cho đến ngày mãn hui, đóng bằng tiền mặt cho bà H hàng tháng và không có làm giấy tờ gì. Nay bà H khởi kiện đòi số tiền 7.000.000 đồng nhưng bà L không chứng minh được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H trong dây hui này.

[5] Đối với Dây 2, bà H cho biết bà L tham gia 05 phần nhưng bà L chỉ thừa nhận 02 phần, sau khi đối chiếu danh sách hui xác định được bà L tham gia 05 phần. Bà H khởi kiện cho rằng có đóng hui chết thay cho bà L 05 phần hui trong 08 lần bằng số tiền 20.000.000 đồng, bà L thì cho biết sau khi hót hui bà đã đóng hui đầy đủ cho đến ngày mãn hui, đóng bằng tiền mặt cho bà H hàng tháng và không có làm giấy tờ gì. Nay bà H khởi kiện đòi số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà L không chứng minh được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H trong dây hui này.

[6] Đối với Dây 3, bà H khởi kiện cho rằng có đóng hui chết thay cho bà L 02 phần hui trong 11 lần bằng số tiền 22.000.000 đồng; bà L xác nhận có tham gia 02 phần và đã hót hết, đóng hui đầy đủ, đến ngày 15/01/2020 âm lịch bà H ngưng khai hui nên chỉ còn nợ 03 lần chưa đóng là 6.000.000 đồng, nhưng không có gì chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H đối với dây hui này được Hội đồng xét xử chấp nhận. **Do bà L đồng ý khấu trừ 6.000.000 đồng vào số tiền trong nội dung đơn phản tố, nên dây hui này chỉ buộc bà L trả 16.000.000 đồng.**

[7] Đối với Dây 4, bà H cho biết hội mở ngày 30/8/2018 âm lịch nhưng bà L khai hội mở ngày 30/8/2017 âm lịch, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy hội của chủ hội để xác định ngày mở hội của dây hội này là ngày 30/8/2018 âm lịch. Bà H khởi kiện cho rằng có đóng hội chết thay cho bà L 02 phần hội trong 12 lần bằng số tiền 24.000.000 đồng, bà L thì không chứng minh được đã đóng hội đầy đủ bằng tiền mặt cho bà H, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H đối với dây hội này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với Dây 5, bà H khởi kiện cho rằng bà L tham gia 02 phần đã hót hết và đóng hội chết đến tháng 5/2019 âm lịch thì ngưng, bà L thì thừa nhận có tham gia 02 phần nhưng chưa hót hội và đóng hội sống đến ngày 15/01/2020 âm lịch số tiền 17.000.000 đồng. Do bà H là chủ hội không chứng minh được việc hót hội của bà L nên yêu cầu khởi kiện của bà H đòi số tiền 12.000.000 đồng không được chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của bà L cho rằng 02 phần hội bà tham gia chưa hót và đòi bà H phải trả lại 17.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Dây 6, bà L thì cho biết dây hội này mở ngày 30/8/2018 âm lịch (chứ không phải ngày 30/9/2018 âm lịch), bà L tham gia 03 phần, đã hót hội 02 phần còn lại 01 phần, chứ không phải hót hết 03 phần như bà H khởi kiện. Bà L thừa nhận còn nợ bà H dây hội này là 8.500.000 đồng vì sau khi bà H ngưng khai hội ngày 15/01/2020 âm lịch thì hai bên có gặp nhau để tính toán và thỏa thuận như vậy. Bà H không chứng minh được cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận theo số tiền được bà L thừa nhận là 8.500.000 đồng. **Do bà L có yêu cầu phản tố và đồng ý khấu trừ 8.500.000 đồng vào số tiền trong nội dung đơn phản tố, nên dây hội này đã được tính khấu trừ hết mà không buộc bà L phải trả.**

[10] Đối với Dây 7, bà H cho biết bà L tham gia 02 phần và hót hết, bà L khai tham gia 02 phần và chỉ hót 01 phần, còn lại 01 phần, qua xác minh Hội đồng xét xử xác định dây hội này bà L đã hót hết 02 phần. Bà H khởi kiện cho rằng có đóng hội chết thay cho bà L 02 phần hội trong 13 lần bằng số tiền 13.000.000 đồng; bà L cho biết đã thỏa thuận khấu trừ và dây hội này không ai nợ ai nhưng không có gì để chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H đối với dây hội này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với Dây 8, bà H cho biết bà L tham gia 03 phần, đã hót 02 phần, còn lại 01 phần và sau khi khấu trừ hội sống và hội chết thì bà H đòi bà L phải trả 10.500.000 đồng; bà L thừa nhận tham gia 03 phần, nhưng chỉ đã hót 01 phần, còn lại 02 phần và có yêu cầu phản tố vì sau khi khấu trừ hội sống và hội chết thì bà H còn nợ bà L 3.500.000 đồng. Do bà H là chủ hội không chứng minh được việc hót hội của bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ở dây hội này, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[12] Đối với Dây 9, bà H khởi kiện cho rằng bà L tham gia 03 phần, đã hót 01 phần, còn lại 02 phần và sau khi khấu trừ hội sống và hội chết thì bà H đòi bà L phải trả 9.000.000 đồng; bà L thì thừa nhận có tham gia 03 phần trong dây hội này nhưng chưa hót hội phần nào và đóng hội sống được 08 lần. Do bà H là chủ

hội không chứng minh được việc hốt hội của bà L nên yêu cầu khởi kiện của bà H đòi số tiền 9.000.000 đồng không được chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của bà L cho rằng 03 phần hội bà tham gia chưa hốt và đòi bà H phải trả lại 24.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Tổng cộng trong 09 dây hội, bà H khởi kiện đòi 135.000.000 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận 94.500.000 đồng, không chấp nhận 40.500.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bà L cho rằng bà H còn nợ bà L 44.500.000 đồng, đồng thời bà L thừa nhận còn nợ bà H 14.500.000 đồng ở các dây hội 3 và 6 xin được khấu trừ, yêu cầu phản tố còn lại 30.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H đã được chấp nhận 94.500.000 đồng nhưng cũng phải trừ ra 14.500.000 đồng (số tiền đã khấu trừ trong yêu cầu phản tố), còn lại 80.000.000 đồng buộc bà L phải trả.

[14] Xét về lỗi: Cả hai bên đều có lỗi và đã được phân tích chi tiết ở từng dây hội để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu ở phần trên. Lỗi ở bà H là chủ hội nhưng không theo dõi chặt chẽ để đưa ra được chứng cứ chứng minh các phần hội ở các dây hội mà hội viên đã hốt hoặc chưa hốt, hoặc đã hốt hội nhưng không biết hốt ở lần khai thứ mấy và hốt được bao nhiêu tiền,... đối với hội viên là bà L cũng có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền góp hội đầy đủ cho chủ hội ở một số dây hội, và chủ hội đã phải đóng thay; chính việc vi phạm nghĩa vụ của bên này đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bên kia và ngược lại, đồng thời phải chịu hậu quả của phần yêu cầu không được chấp nhận dựa trên cơ sở lời khai và chứng cứ chứng minh của đương sự.

[15] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H để buộc bà L trả số tiền 80.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L để buộc bà H trả số tiền 30.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[16] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các khoản 4, 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đối với người phải chịu án phí thuộc trường hợp là người cao tuổi sẽ được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[18] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu